TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2024
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh T1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tiến Mãn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Thuấn, bà Ngô Thị Thu Hoà.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2023/TLST - HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Lê Văn T1 - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày: Chị chung sống với anh Lê Văn T1 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Yên Nhân huyện Ý Yên vào ngày 03/02/2006. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống; anh T1 thường uống rượu, chửi bới vợ con vô cớ và có

tính hay ghen. Chị và anh T1 đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 8 năm 2023. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là cháu Lê Quang K, sinh ngày 22/5/2009 và cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 07/7/2014. Sau ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, để anh T1 nuôi dưỡng cháu K; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2023 và quá trình làm việc tại Toà án, bị đơn anh Lê Văn T1 trình bày: Anh chung sống với chị Trịnh Thị T có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Yên Nhân huyện Ý Yên vào ngày 03/02/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì. Tháng 9/2023 anh có uống rượu quá chén nên vợ chồng có xảy ra cãi chửi, xúc phạm nhau. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay, mặc dù anh đã tìm nhưng chị T không về. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý, vì muốn vợ chồng về đoàn tụ. Anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bầy là đúng, nếu chị T quyết tâm ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung; không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa phương được biết: Chị Trịnh Thị T và anh Lê Văn T1 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Yên Nhân vào ngày 03/02/2006. Về thời điểm, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 địa phương không nắm được cụ thể. Theo thông tin từ gia đình thì kể từ năm 2019 do dịch bệnh, công việc ít nên kinh tế gia đình khó khăn; anh T1 có rượu chè dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm. Chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu Lê Quang K, sinh ngày 22/5/2009 và cháu Lê Hải Đăng, sinh ngày 07/7/2014; cháu Đ đang sống cùng chị T, cháu K đã nghỉ học đi làm T1. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Về vụ án ly hôn giữa chị T và anh T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T, xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Lê Văn T1. Về con chung: Giao cháu Lê Quang K, sinh ngày 22/5/2009 cho anh T1 nuôi dưỡng; giao cháu Lê Hải Đăng, sinh ngày 07/7/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị T và anh T1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét. Về án phí sơ thẩm ly hôn chị Trịnh Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trịnh Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T1 và đề nghị giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị T và anh Lê Văn T1 được xác lập vào ngày 03/02/2006, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Yên Nhân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh T1 uống rượu dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi, xúc phạm nhau. Anh chị đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 8/2023 đến nay. Toà án đã tiến hành hoà giải để anh chị đoàn tụ, nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định không còn tình cảm với anh T1, không thể đoàn tụ được và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử ly hôn giữa chị T và anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Quang K, sinh ngày 22/5/2009 và cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 07/7/2014. Hiện cháu Đ đang do chị T nuôi dưỡng và có nguyện vọng ở với mẹ; cháu K đã nghỉ học và đi làm T1. Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đăng; anh T1 nuôi dưỡng cháu K sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Lê Văn T1 không đề nghị Tòa án quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Lê Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 07/7/2014 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Quang K, sinh ngày 22/5/2009 cho anh Lê Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Lê Văn T1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002566, ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị Trịnh Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị T và anh Lê Văn T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Yên Nhân;
- Lưu: HS, VP.

(Đã ký)

Vũ Tiến Mãn